

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 16/8/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Phạm Văn K**, sinh năm: 1942.

Địa chỉ: Số B, ấp M, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: **Nguyễn Thị Tường V**, sinh năm: 2001. Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số F, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: **Hồ Văn V1**, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số G ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Phạm Thanh B**, sinh năm: 1976.

2. **Nguyễn Thị Hồng Y**, sinh năm: 1978.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. **Văn phòng công chứng Huỳnh Đoàn Ngọc H.**

Người đại diện: **Huỳnh Đoàn Ngọc H** – Trưởng Văn phòng.

Địa chỉ: Số E khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

4. **Ngô Văn P**; sinh năm: 1982.

5. **Trần Ngọc Q**, sinh năm: 1985.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Văn P là người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Ngọc Q.

6. **Tô Thị Hằng N**; sinh năm: 1993.

Địa chỉ: B Cư Xá U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. **Vũ Tuấn A**; sinh năm: 1984.

Địa chỉ: 2 U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. **Chế Phước T1**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: G khu phố B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1988 là người đại diện uỷ quyền của ông Chế Phước T1. Địa chỉ: Số C, ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Hủy Hợp đồng uỷ quyền được công chứng số 3409, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C ngày 29/12/2021 giữa ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị T.

- Hủy Văn bản thỏa thuận về việc lưu cư sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/12/2021 giữa ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị T.

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng số 3423, quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C ngày 30/12/2021 giữa ông Phạm Văn K (do bà Nguyễn Thị T đại diện theo uỷ quyền ký) với ông Ngô Văn P đối với thửa đất số 215, tờ bản đồ số 04 tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng số 11397, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C ngày 21/12/2022 giữa ông Ngô Văn P, bà Trần Ngọc Q (do bà Nguyễn Thị T đại diện theo uỷ quyền ký) với bà Tô Thị Hằng N đối với thửa đất số 215, tờ bản đồ số 04 tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng 450, quyền số 01/2024 TP/CC - SCC/HĐGD tại Văn phòng C ngày 01/02/2024 giữa bà Tô Thị Hằng N, ông Vũ Tuấn A với ông Chế Phước T1 đối với thửa đất số 215, tờ bản đồ số 04 tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Ông Phạm Văn K có nghĩa vụ trả cho ông Chế Phước T1 số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Ông K đã trả số tiền trên cho ông T1 trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên ông K và bà T không còn nợ số tiền vay tài sản hay số tiền nào khác liên quan đến thửa đất số 215, tờ bản đồ số 04 tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Chế Phước T1 số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 950.000.000 đồng (*Chín trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông T1 nếu ông K, bà T chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

- Ông Phạm Văn K được tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất và công trình kiến trúc, cây trồng trên thửa đất số 215, tờ bản đồ số 04, diện tích 3.822,6m² (đất ở nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 3.522,6m²) tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre và có quyền liên hệ với Cơ quan quản lý hành chính về đất đai có thẩm quyền để đăng ký, kê khai và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị Cơ quan quản lý hành chính về đất đai có thẩm quyền thu hồi, điều chỉnh lại Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số D0 483389, số vào sổ cấp GCN: VP13684 đối với thửa đất số 215, tờ bản đồ số 04, diện tích 3.822,6m² (đất ở nông thôn 300m² đất trồng cây lâu năm 3.522,6m²) tại xã B, thành phố B đã cấp cho ông Chế Phước T1 trả lại cho ông Phạm Văn K đứng tên.

- Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Văn K tự nguyện chịu chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ghi nhận ông K đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Phạm Văn K được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

+ Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải trả 950.000.000 đồng là 20.250.000.000 đồng. Tổng cộng chung là: 20.550.000 đồng (*Hai mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*).

+ Ông Chế Phước T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Hằng

